TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 428/2025/HS-PT
Ngày 29 tháng 9 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường
Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công
Ông Võ Văn Khoa

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Ông Lê Tấn C - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 153/2025/TLPT-HS ngày 18 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh H do có kháng cáo của Bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 142/2025/HS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- *Bị cáo bị kháng cáo:* Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1994 tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); địa chỉ thường trú: Số A T, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay thuộc phường Q, tỉnh Gia Lai); địa chỉ hiện tại: Khu phố E, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay thuộc khu phố T, phường B, tỉnh Đồng Nai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên quản lý; chức vụ khi phạm tội: Trợ lý bán hàng, Chi nhánh 1110 P, Công ty TNHH C2; con ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1959 và bà Phạm Thị P, sinh năm 1961; hoàn cảnh gia đình: Có chồng là Phùng Đăng N, sinh năm 1991 (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam: Ngày 08/4/2023; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh H:* Ông Vũ Quốc T, là Luật sư của Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Công ty TNHH C2 (nay là Công ty Cổ phần C2); địa chỉ: Số A P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Số G N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường G, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH C2: Ông Lượng Văn H1, là Luật sư của Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: Số F đường số B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

2. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước (xã P, tỉnh Đồng Nai); vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc V, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Số B N, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Công Đ1, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là xã N, tỉnh Lâm Đồng); vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Mạnh Q, sinh năm 1996; địa chỉ cư trú: F Ấp F, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã V, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

4. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1961;

5. Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1959;

Cùng địa chỉ cư trú: Số A T, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai); cùng có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/10/2022, Công ty TNHH C2 (gọi tắt là Công ty) thành lập "Chi nhánh A" (gọi tắt là Chi nhánh), được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tại địa chỉ: Số A P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai). Chi nhánh được Công ty ủy quyền hoạt động theo hình thức cửa hàng bán sỉ và lẻ, hạch toán phụ thuộc vào Công ty; lĩnh vực kinh doanh chính là mua bán điện thoại và phụ kiện điện thoại di động, trong đó có điện thoại di động Iphone của hãng A1. Trong thời gian làm việc tại Chi nhánh, Nguyễn Thị Thanh H đã có hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty và của khách hàng đặt cọc mua hàng tại Chi nhánh, cụ thể như sau:

1. Hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH C2:

Ngày 16/12/2022, Nguyễn Thị Thanh H được ông Nguyễn Ngọc Đ ký "Thư mời nhận việc" để nhận vào làm học việc, thử việc tại Chi nhánh. H được bố trí ở vị trí có chức danh là "Trợ lý cửa hàng", được ông Đ giao trách nhiệm quản lý chung ở cửa hàng, tiếp nhận hàng hóa và quản lý tiền, nộp tiền bán hàng về cho công ty. Công ty yêu cầu nhân viên Chi nhánh và các bộ phận trực thuộc Công ty thực hiện trên phần mềm hệ thống quản lý bán hàng. Căn cứ tình hình kinh doanh thực tế, Quản lý cửa hàng đăng ký số lượng, loại hàng hóa cần nhập để bộ phận Quản lý ngành hàng của Công ty nhập hàng về giao cho Chi nhánh. Khi nhận hàng, Kế toán bán hàng tại Chi nhánh báo cho bộ phận Kế toán Công ty biết, nhập số liệu trên phần mềm theo dõi, quản lý bán hàng. Khi bán hàng, nếu khách hàng thanh toán bằng hình thức chuyển khoản thì nhân viên cửa hàng hướng dẫn khách hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty; nếu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt thì nhân viên thu tiền, sau đó cuối ngày giao lại cho Quản lý cửa hàng có trách nhiệm tổng hợp, quản lý qua đêm đến sáng ngày hôm sau thì nộp tiền vào tài khoản của Công ty. Theo quy trình thì cuối ngày bán hàng, H và Đoàn Hải V1 (tư vấn kỹ thuật) cùng tổ chức kiểm tra kết quả kinh doanh, kiểm kê hàng hóa để Tô Kim Y (kế toán bán hàng) báo cáo kết quả về Công ty. Sau đó, H có trách nhiệm quản lý qua đêm đối với số tiền mặt thu được từ bán hàng trong ngày, đến ngày hôm sau thì nộp tiền vào tài khoản Công ty.

Khoảng cuối tháng 12/2022, H truy cập vào website http://muabanusdt.iođặt lệnh mua loại tiền số USDT của Nguyễn Công Đ1 và tham gia vào các sàn giao dịch điện tử quốc tế trên mạng internet (sàn BO) để tham gia chơi quyền chọn nhị phân bằng cách dùng tiền số USDT đặt lệnh "mua" hoặc "bán" đồng tiền số Bitcoin để hưởng chênh lệch tỷ giá giữa tiền số Bitcoin với Đô la M (tỷ giá BTC/USD). Đến khoảng tháng 01/2023, nhận thấy do Chi nhánh ở xa Công ty, việc quản lý theo dõi hàng tồn kho của Công ty dựa trên báo cáo của hệ thống phần mềm bán hàng nên H nảy sinh ý định sẽ giữ lại một phần tiền bán số điện thoại Iphone đang có trong kho của Chi nhánh nhưng không báo về Công ty và lấy tiền giữ lại này để sử dụng đầu tư mua bán tiền ảo trên sàn BO. Khoảng đầu tháng 02/2023, Nguyễn Mạnh Q là nhân viên ngành hàng "Bộ phận kinh doanh" của Công ty, phụ trách quản lý ngành hàng thương hiệu A1 theo dõi trên phần mềm quản lý bán hàng nên biết cửa hàng Chi nhánh nơi Huyền quản lý bán điện thoại Iphone có doanh số cao. Do đó, Q đề nghị với H nếu Chi nhánh có nhu cầu về điện thoại Iphone 14 để bán thì H có thể báo trực tiếp cho Q xử lý. Q sẽ lên đơn hàng và đề nghị Công ty tính mức chiết khấu giá bán sỉ thấp hơn giá bán lẻ cao nhất là khoảng 490.000 đồng/01 chiếc điện thoại so mức với giá niêm yết của Công ty đưa ra thì H đồng ý và để Q xử lý cho nhập điện thoại Iphone 14 về cửa hàng được nhiều thì H và Q thỏa thuận sẽ trích lại chiết khấu cho Q mỗi máy điện thoại Iphone từ 140.000 đồng đến 190.000 đồng.

Trong quá trình làm việc tại Chi nhánh, H quen biết với hộ kinh doanh cá thể Lê Thị T1, có mã số thuế 8460154155, đồng thời mở cửa hàng điện thoại di động "Rồng Vàng" tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước là khách hàng thường xuyên của Chi nhánh. Từ khoảng đầu tháng 02/2023 đến ngày

01/3/2023, H đã nhiều lần liên hệ với Q để đặt hàng điện thoại Iphone 14 về cho cửa hàng Chi nhánh; Quy xử lý đơn hàng, báo cáo Công ty cho nhập hàng điện thoại Iphone chuyển về cho Chi nhánh. Sau khi thu tiền bán hàng trong ngày, H chuyển tiền bán hàng về tài khoản Công ty nhưng riêng tiền bán điện thoại Iphone 14 do H phụ trách thì H chỉ báo và chuyển một phần số điện thoại Iphone 14 đã bán ra, còn một phần điện thoại Iphone 14 thì H đã xuất bán nhưng do khách hàng không yêu cầu lấy hóa đơn ngay khi mua hàng nên H không báo cáo, không nộp tiền bán hàng về cho Công ty và chiếm giữ một phần số tiền đã thu từ bán số điện thoại này để tiếp tục đầu tư, mua bán tiền ảo Bitcoin, lấy tiền bán của những lô hàng sau trả cho những lô hàng trước và sử dụng tiêu xài cá nhân. Để che giấu việc chiếm đoạt số điện thoại Iphone 14 của Công ty đã bán lấy tiền tiêu xài, H để lại nhiều vỏ thùng đựng điện thoại Iphone đã lấy hết điện thoại bên trong chỉ còn vỏ thùng đặt ở trong kho để bộ phận giám sát qua camera của Công ty không nghi ngờ; H nói với Tô Kim Y chỉ xuất hóa đơn ghi số lượng điện thoại Iphone 14 phù hợp với số tiền H đã nộp về Công ty. Khi Y có thắc mắc thì H giải thích gian dối là xuất hóa đơn vậy nhằm để dành doanh số bán điện thoại còn lại ghi chỉ tiêu doanh số bán hàng và xuất hóa đơn cho những đợt sau nếu không bán được hàng.

Nhận thấy số liệu báo cáo hàng tồn kho tại Chi nhánh còn nhiều điện thoại Iphone 14 nhưng H vẫn tiếp tục đặt hàng nên ngày 07/3/2023 bà Nguyễn Thị Ngọc V là Phó Giám đốc Công ty đến Chi nhánh kiểm tra đột xuất. Qua kiểm tra, bà V phát hiện trong kho hàng do H có trách nhiệm quản lý có nhiều vỏ thùng đựng điện thoại Iphone của nhà cung cấp nhưng không có điện thoại bên trong; kiểm tra hàng hóa tại cửa hàng phát hiện bị thiếu hụt 1.008 chiếc điện thoại di động Iphone 14 mới 100%; còn H đã bỏ trốn nên bà V đã trình báo sự việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ. Đến ngày 08/4/2023, Nguyễn Thị Thanh H bị bắt tạm giam, quá trình điều tra Nguyễn Thị Thanh H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như trên. Số tiền thu được từ việc bán 1.008 điện thoại Iphone 14 chiếm đoạt của Công ty, H sử dụng khoảng trên 15 tỷ đồng để đầu tư mua tiền ảo Bitcoin và bị thua lỗ hết; sử dụng 470.340.000 đồng chi hoa hồng cho Nguyễn Mạnh Q; gửi cho mẹ ruột là bà Phạm Thị P số tiền 259.500.000 đồng; dùng 263.500.000 đồng mua 03 xe mô tô và sử dụng 36.470.000 mua nữ trang bằng vàng; còn lại khoảng 8.000.000.000 đồng H sử dụng tiêu xài cá nhân.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 32/KL-HĐĐGTS ngày 14/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ xác định giá trị của 1.008 chiếc điện thoại đi động hiệu Iphone 14 Promax tại thời điểm tháng 3/2023 là 28.284.594.000 (hai mươi tám tỷ hai trăm tám mươi bốn triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn) đồng.

2. Hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Lê Thị T1:

Bà Lê Thị T1, chủ cửa hàng điện thoại di động "Rồng Vàng" tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước là khách hàng thường mua điện thoại di động Iphone 14 tại Chi nhánh A để về bán lại kiếm lời. Quá trình mua bán, cũng có

khi bà T1 chuyển tiền đặt cọc trước (một phần hoặc toàn bộ lô hàng) rồi nhận hàng sau, hoặc có khi nhận hàng trước, thanh toán sau. Khi phát sinh giao dịch, bà T1 đều liên lạc, trao đổi với bị can Nguyễn Thị Thanh H để thỏa thuận về số lượng, đặc điểm, loại máy và giá cả mua bán với nhau.

Ngày 07/3/2023, bà Lê Thị T1 gọi điện thoại qua Z trao đổi với Nguyễn Thị Thanh H thoả thuận đặt mua 130 cái điện thoại di động hiệu Iphone 14 pro max, loại 128GB tại Chi nhánh A với giá 25.700.000 đồng/01 cái tương ứng với tổng số tiền là 3.341.000.000 đồng và hẹn tối cùng ngày sẽ lấy điện thoại thì H đồng ý. Thùy đã chuyển khoản đặt cọc trước số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) vào tài khoản số 9934942022 của Nguyễn Thị Thanh H mở tại Ngân hàng V2. Mặc dù không có ý định chiếm đoạt tiền của bà T1 từ trước nhưng sau khi nhận tiền đặt cọc của bà T1 thì H không nộp về Công ty, cũng không làm thủ tục để giao số điện thoại theo thỏa thuận cho bà T1 mà chiếm đoạt số tiền trên chuyển vào tài khoản của Nguyễn Công Đ1 để mua tiền số USDT và dùng để mua tiền ảo Bitcoin, sau đó bị thua lỗ hết. Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Thanh H đã thừa nhận hành vi chiếm đoạt số tiền 1.000.000.000 đồng đặt cọc của bà Lê Thị T1 như trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 142/2025/HS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh H 20 năm tù về "Tội tham ô tài sản" và 14 năm tù về "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh H phải chấp hành hình phạt chung là 30 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, Bị hại là Công ty TNHH C2 (nay là Công ty Cổ phần C2) kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì lý do bỏ lọt tội phạm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Công ty TNHH C2 (nay là Công ty Cổ phần C2) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xem xét trách nhiệm của Tô Kim Y, Lê Thị T1, Nguyễn Công Đ1.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Về nội dung: Xét kháng cáo của Công ty TNHH C2 (nay là Công ty Cổ phần C2) như sau:

Về hành vi của Tô Kim Y: Y là Kế toán bán hàng của Công ty C2 đã không thực hiện đúng quy trình, quy định trong việc xuất hóa đơn bán hàng theo số lượng hàng hóa, không thực hiện việc kiểm tra hàng hóa, đối chiếu sổ sách và

hàng tồn trong kho theo định kỳ và đột xuất, đã tạo điều kiện cho H chiếm đoạt hơn 1000 Iphone 14 của Công ty trong thời gian dài không bị phát hiện. Hành vi này có dấu hiệu của tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo Điều 360 Bộ luật Hình sự.

Về hành vi của Lê Thị T1: Nội dung tin nhắn zalo giữa bị cáo H và bà T1 trong quá trình mua bán điện thoại thể hiện bà T1 biết được việc bị cáo H phải bù lỗ cho những đơn hàng bán cho bà T1, bà T1 biết được số điện thoại H bán cho bà T1 có nguồn gốc không hợp pháp. Bản thân bà T1 là chủ một cửa hàng điện thoại di động lâu năm, là người chuyên nghiệp trong việc kinh doanh và nắm bắt giá thị trường đối với điện thoại iPhone thì phải biết rất rõ việc H lấy hàng của Công ty TNHH C2 là một Công ty bán hàng theo giá niêm yết nhưng giảm giá sâu tới 2.000.000 đồng cho 01 chiếc điện thoại khi bán cho bà T1 là bất hợp lý. Hành vi của bà T1 có dấu hiệu phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Tại Bản kết luận điều tra số 96/KLĐTBS-CSKT ngày 21/10/2024 của cơ quan CSĐT Công an tỉnh B có nêu nội dung: "Qua kiểm tra tin nhắn giao dịch mua bán qua Zalo giữa H với T1 và xác minh, đối chiếu giao dịch giữa Lê Thị T1 chuyển khoản cho H để mua hàng từ ngày 09/01/2023 đến ngày 07/3/2023 tổng số tiền là 173.568.921.808 đồng. Tuy nhiên, H chỉ báo cáo đã bán 6.100 sản phẩm, trong đó có 5674 chiếc điện thoại iPhone 14 thu nộp về Công ty theo giá bán là 161.300.138.000 đồng và Công ty xuất hóa đơn bán hàng cho T1 đối với số sản phẩm có giá trị tương ứng tổng số tiền đã nộp về là 161.300.138.000 đồng". Số tiền chênh lệch 12.268.783.808 đồng không thể hiện trong các lịch sử giao dịch, không thể hiện nội dung này trong quá trình điều tra, làm rõ tại cấp sơ thẩm là có thiếu sót.

Tại biên bản hỏi cung bị can ngày 29/8/2023, H khai nhận rằng vào khoảng 9 giờ 50 phút ngày 07/3/2023, T1 chuyển đến tài khoản của H số tiền 999.999.998 đồng để đặt cọc mua hàng. Tuy nhiên, tại Biên bản làm việc ngày 25/5/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ đối với bị cáo H về nội dung xác định số tiền H nhận được và chuyển đi từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 08/3/2023 cho thấy H có 18 lần chuyển tiền đi cho bà Lê Thị T1 bằng tài khoản 9934942022 mở tại Ngân hàng V2 với tổng số tiền là 4.826.699.995 đồng. Như vậy, số tiền 999.999.998 đồng có nằm trong tổng số tiền H chuyển đi cho bà T1 hay không vẫn chưa được xác định.

Đối với số tiền 15 tỷ đồng bị cáo H chiếm đoạt của Công ty C2 đã sử dụng để mua bitcoin (tiền ảo) của ông Nguyễn Công Đ1: Đây là tiền do phạm tội mà có nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên ông Đ1 phải nộp lại toàn bộ mà chỉ buộc nộp lại 200 triệu đồng thu lợi bất chính là không đúng quy định của pháp luật.

Từ căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai để điều tra lại theo đúng quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty C2 trình bày: Thống nhất với toàn bộ quan điểm của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án.

Người đại diện cho Công ty C2 trình bày: Thống nhất với quan điểm đề nghị của Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh H: Thống nhất với toàn bộ quan điểm của Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án.

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh H: Thống nhất với quan điểm đề nghị của Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh H nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai trái. Kính xin quý tòa cho bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời để về với con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của Đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của Công ty TNHH C2 (nay là Công ty Cổ phần C2) được làm trong thời hạn luật định, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã được Cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; kết quả được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[3.1] Bị cáo Nguyễn Thị Thanh H là nhân viên của Công ty TNHH C2 (sau đây viết tắt là Công ty C2) được giao phụ trách quản lý Chi nhánh 1110 P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai). Lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, bị cáo H đã bán 1.008 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax (trị giá 28.284.594.000 đồng) cho nhiều người nhưng không nộp tiền về Công ty C2 mà sử dụng tiêu xài cá nhân. Bị cáo H là người có chức vụ, quyền hạn nhưng đã chiếm đoạt tài sản của Công ty C2 do mình đang quản lý nên bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về "Tội tham ô tài sản" theo quy định tại khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ.

Ngoài ra, ngày 07/3/2023 sau khi nhận được 1.000.000.000 đồng tiền đặt cọc mua 130 chiếc điện thoại Iphone 14 của bà Lê Thị T1, bị cáo H không báo cáo cho Công ty C2 mà chiếm đoạt số tiền này sử dụng vào mục đích cá nhân. Hành vi lợi dụng lòng tin của bà T1 để chiếm đoạt số tiền 1.000.000.000 đồng của bị cáo H đã thỏa mãn hành vi khách quan của "Tội lạm dụng tín nhiệm

chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 như Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là đúng pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo H đồng ý với tội danh và hình phạt theo bản án sơ thẩm nên bị cáo không kháng cáo.

[3.2] Xét kháng cáo của Công ty TNHH C2 như sau:

[3.2.1] Đối với Tô Kim Y: Là nhân viên kế toán của Công ty C2 làm việc tại Chi nhánh A, có nhiệm vụ: Thu ngân, xuất hóa đơn bán hàng và theo dõi hàng hóa xuất nhập của Công ty dưới sự quản lý trực tiếp của bị cáo H. Cụ thể, Tô Kim Y là người trực tiếp kiểm nhận hàng hóa đầu vào; trong ngày làm việc nếu có khách mua hàng thì sẽ phụ trách thu tiền bán hàng và xuất hóa đơn, đến cuối ngày căn cứ vào số lượng hàng bán ra, số tiền nộp về Công ty để đối chiếu với số lượng hàng đầu ngày; tính doanh thu trong ngày và hàng tồn kho cuối ngày, nhập số liệu vào phần mềm của Công ty, từ đó xuất ra bảng thống kê về số lượng hàng bán ra và hàng còn tồn kho trong ngày.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ, theo yêu cầu của bị cáo H, Tô Kim Y có hành vi xuất hóa đơn bán hàng, báo cáo về Công ty C2 không đúng số lượng điện thoại Iphone 14 được xuất bán thực tế cho khách hàng. Tại Cơ quan Điều tra, bị cáo H và Tô Kim Y khai nhận Y có trách nhiệm nhận điện thoại Iphone 14 Promax từ nhà phân phối rồi giao về cho Chi nhánh để quản lý; khi bị cáo H có yêu cầu bán hàng, Y sẽ lấy hàng từ kho sắp xếp theo yêu cầu và giao cho khách hoặc đưa cho bị cáo H để giao cho khách. Trong quá trình đó, khi bị cáo H không giao đủ tiền so với số lượng điện thoại đã xuất ra, Tô Kim Y có hỏi lý do thì được bị cáo H giải thích là để chuyển doanh số sang tháng sau và Y đã đồng ý và làm theo yêu cầu của bị cáo H. Cũng trong quá trình điều tra, Tô Kim Y và bị cáo H thống nhất khai, do tin tưởng lời nói của bị cáo H là thật nên Tô Kim Y chỉ báo cáo về Công ty số lượng điện thoại Iphone 14 bán ra tương ứng với số tiền bị cáo H đưa cho Y, còn những vỏ thùng chứa điện thoại Iphone được giữ lại nhằm che giấu số lượng điện thoại Iphone 14 mà bị cáo H đã bán nhưng không nộp tiền về Công ty. Hành vi này của bị cáo H và Tô Kim Y được lặp lại nhiều lần cùng với số lượng điện thoại Iphone 14 liên tục bị thiếu so với báo cáo nhưng Y đã không chủ động báo cáo với người có thẩm quyền của Công ty là có dấu hiệu làm trái nguyên tắc kế toán.

Như vậy, với vai trò và nhiệm vụ kế toán của mình, Tô Kim Y là người trực tiếp quản lý 1.008 chiếc điện thoại iPhone 14 bị chiếm đoạt, có nghĩa vụ phải biết nguyên tắc kế toán khi xuất hàng phải có hóa đơn và thu tiền nhưng đã không thực hiện đúng, đầy đủ quy trình này mà làm theo yêu cầu của bị cáo H, dẫn đến việc báo cáo về Công ty không trung thực số lượng điện thoại Iphone 14 xuất bán thực tế cho khách; không thực hiện việc kiểm tra hàng hóa, đối chiếu sổ sách và hàng tồn trong kho theo định kỳ và đột xuất nên đã tạo điều kiện cho H chiếm đoạt hơn 1000 Iphone 14 của Công ty trong thời gian dài mà không bị phát hiện. Mặc dù quá trình điều tra xác định Tô Kim Y không được bị cáo H bàn bạc, không hưởng lợi và không che giấu hành vi phạm tội của bị cáo H,

nhưng hành vi vi phạm nguyên tắc kế toán của Tô Kim Y có dấu hiệu của tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" được quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3.2.2] Đối với bà Lê Thị T1: Là chủ cửa hàng điện thoại di động Rồng Vàng tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước, mua điện thoại di động Iphone 14 tại Chi nhánh A để về bán lại kiếm lời. Quá trình mua bán, cũng có khi bà T1 chuyển tiền đặt cọc trước một phần hoặc toàn bộ lô hàng rồi nhận hàng sau, hoặc cũng có khi nhận hàng trước, thanh toán sau. Khi phát sinh giao dịch, bà T1 đều liên lạc, trao đổi với bị cáo H để thỏa thuận về số lượng, đặc điểm, loại máy và giá cả mua bán với nhau. Quá trình điều tra xác định: Từ tháng 01/2023 đến tháng 3/2023, bà Lê Thị T1 nhiều lần mua điện thoại di động hiệu Iphone của bị cáo H để bán lại kiếm lời, mỗi chiếc điện thoại iphone bị cáo H tự ý giảm giá bán cho bà T1 từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Khi bà T1 hỏi "bên em có giảm giá hả" thì được bị cáo H trả lời "để em xin giảm giá" nên bà T1 không hỏi thêm. Và sau đó, dù không được giải thích thêm nhưng bà T1 vẫn tiếp tục mua điện thoại từ bị cáo H với mức giảm cho mỗi điện thoại từ 500.000 đến 2.000.000 đồng. Quá trình xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm, khi được hỏi về việc bà T1 có biết những chiếc điện thoại iphone mua của bị cáo là bất hợp pháp hay không thì bị cáo H trả lời "có thể chị T1 biết". Như vậy, thực tế trên cùng với lời khai của bị cáo H tại phiên tòa phúc thẩm, cần thiết phải củng cố thu thập thêm chứng cứ để làm rõ lời khai trên của bị cáo H để xử lý theo đúng quy định pháp luật, không để lọt tội phạm.

[3.2.3] Đối với ông Nguyễn Công Đ1: Đã có hành vi mua bán tiền số USDT với bị cáo H, tổng giá trị quy đổi là 15.335.976.144 đồng. Quá trình điều tra đã xác định được ông Đ1 không biết nguồn gốc số tiền mà H sử dụng để mua tiền số USDT. Theo Ngân hàng N1 - Chi nhánh tỉnh B xác định tiền số USDT không phải là tiền tệ, không phải là phương tiện thanh toán hợp pháp tại Việt Nam và hiện nay P1 chưa có quy định, chế tài để xử lý hành vi mua bán tiền ảo. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh B đã có văn bản chuyển nội dung liên quan đến hành vi mua bán tiền USDT giữa ông Đ1 với bị cáo H cho Phòng An ninh mạng và Phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao Công an tỉnh B (nay là Công an tỉnh Đ) tiếp tục xác minh làm rõ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét hành vi của ông Nguyễn Công Đ1 là có căn cứ.

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy Quan điểm đề nghị của Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh, quan điểm của Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho B hại và quan điểm của người bào chữa cho Bị cáo là có căn cứ để chấp nhận.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Công ty TNHH C2 không phải chịu.

[6] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 142/2025/HS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 355 và khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH C2.

2. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 142/2025/HS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai để điều tra lại. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai thụ lý theo quy định.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Thị Thanh H cho đến ngày Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai thụ lý lại vụ án.

3. Án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Được xác định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Án phí hình sự phúc thẩm: Công ty TNHH C2 không phải chịu.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Mạnh Cường

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Vụ Pháp chế và Quản lý Khoa học;
- Viện CT và KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam 02 - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo bị tạm giam;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, VP, NTCL.